

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
TRƯỜNG KINH TẾ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN
TỔ CHỨC DẠY HỌC
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: KẾ TOÁN

MÃ NGÀNH: 8340301

Hà Nội - 2025

Số: 81/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

*Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 05/4/2023 của Hội đồng trường
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt
động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào
tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*

*Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày
13/01/2025 và ngày 14/01/2025 về việc Thông qua các chương trình đào tạo trình
độ thạc sĩ;*

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, bao gồm: Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết học phần, Hướng dẫn tổ chức dạy - học và Bản mô tả chương trình đào tạo (Danh sách và nội dung bộ chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Các bộ chương trình đào tạo này được áp dụng đào tạo trình độ thạc sĩ cho các khoá tuyển sinh từ năm 2025.

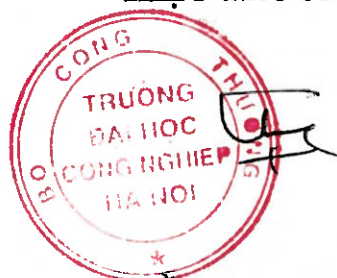
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học, Trưởng các phòng: Tổ chức Nhân sự, Hành chính tổng hợp, Tài chính – Kế toán; Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG



Kiều Xuân Thực



DANH SÁCH

Ban hành các bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-ĐHCN ngày 15/01/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Đơn vị quản lý chuyên môn	Ghi chú
1.	Kỹ thuật cơ khí	8520103	Trường Cơ khí – Ô tô	
2.	Kỹ thuật cơ điện tử	8520114	Trường Cơ khí – Ô tô	
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực	8520116	Trường Cơ khí – Ô tô	
4.	Kỹ thuật hóa học	8520301	Khoa Công nghệ Hóa	
5.	Kỹ thuật điện tử	8520203	Trường Điện – Điện tử	
6.	Kỹ thuật điện	8520201	Trường Điện – Điện tử	
7.	Kế toán	8340301	Trường Kinh tế	
8.	Quản trị kinh doanh	8340101	Trường Kinh tế	
9.	Hệ thống thông tin	8480104	Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông	
10.	Ngôn ngữ Anh	8220201	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	
11.	Công nghệ dệt, may	8540204	Khoa CN May và TKTT	
12.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8220204	Trường Ngoại ngữ - Du lịch	

Tổng số: 12 bộ chương trình đào tạo./✓

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Lý thuyết kế toán
Tên học phần (Tiếng Anh)	Accounting Theory
Mã học phần	AA7301
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán Kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Ban hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/01/2025
Lần ban hành	01

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đinh Thị Thanh Hải

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 0904325241

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: dinhthithanhhai@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng Trường Kinh tế

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức về các nguyên lý, quy luật về kinh tế trong lĩnh vực kế toán	SO1 SO2
G2	Người học vận dụng kiến thức để đánh giá được thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn	SO3

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Vận dụng được các nguyên lý, quy luật về kinh tế trong lĩnh vực kế toán để nghiên cứu chuyên sâu về kế toán.	PI 1.1	T	G1
L2	Đánh giá được thông tin kế toán trong điều kiện thực tiễn tại các đơn vị kế toán	PI 3.1	U	G2

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lý thuyết kế toán cung cấp những kiến thức mở rộng, sâu về các quan điểm, trường phái và các lý thuyết kinh tế trong nghiên cứu kế toán, các vấn đề kế toán đương đại. Người học có thể phân tích được lý thuyết kế toán, các mô hình định giá trong kế toán, các lý thuyết lập quy, chuẩn mực kế toán và quá trình hoà hợp kế toán quốc tế, khuôn mẫu kế toán, và các yếu tố của báo cáo tài chính phục vụ cho nghiên cứu chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán, kế toán công. Học phần lý thuyết kế toán giúp người học rèn luyện kỹ năng đánh giá được các thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn tại các đơn vị kế toán.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Lịch sử hình thành và phát triển kế toán, lý thuyết kế toán	9	4	0	0	0	0	4	L1
2	Các góc nhìn khác nhau đối với kế toán	9	4	0	0	0	0	4	L1
3	Các hướng trong nghiên cứu kế toán	9	4	0	0	0	0	4	L1
4	Các giả định, nguyên tắc và khái niệm	9	4	0	0	0	0	4	L1, L2
5	Khuôn mẫu lý thuyết về các yếu tố của báo cáo tình hình tài chính	9	4	0	0	0	0	4	L1, L2
6	Khuôn mẫu lý thuyết về các yếu tố của báo cáo kết quả hoạt động	9	4	0	0	0	0	4	L1, L2
7	Khuôn mẫu lý thuyết về trình bày báo cáo tài chính và chất lượng thông tin kế toán <i>Bài đánh giá thường xuyên 1</i>	9	4	0	0	0	0	4	L1, L2
8	Chuẩn mực kế toán	9	4	0	0	0	0	4	L1
9	Mô hình giá gốc và mô hình giá hiện hành trong kế toán	9	4	0	0	0	0	4	L1, L2
10	Mô hình giá đầu ra và mô hình giá trị hợp lý trong kế toán	9	4	0	0	0	0	4	L1, L2

11	Các vấn đề kế toán đương đại <i>Bài đánh giá thường xuyên 2</i>	9	4	0	0	0	0	4	L1, L2
12	Ôn tập và giải đáp	6	0	1	0	0	0	1	L1
	Tổng cộng	105	44	1	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	15%	L1	Tự luận	10	30%
2	Thường xuyên 2	15%	L2	Thuyết trình	10	100%
3	Cuối kỳ	70%	L1	Tiểu luận (cá nhân)	10	70%

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu, kết nối internet.
- Đối với học viên: Học viên phải có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 70% thời gian lên lớp trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ.

8. Tài liệu học tập

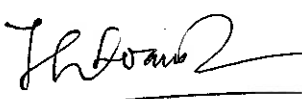
- [1]. Mai Ngọc Anh, Lưu Đức Tuyên, Nguyễn Vũ Việt (2014), *Một số chuyên đề về lý thuyết kế toán*, NXB Tài chính
- [2]. Harry I. Wolk, James L. Dodd, Michael G. Tearney (2004), *Accounting theory*, South-Western, Six edition.
- [3]. M.Com (2004), *Accounting theory*, Maharshi Dayanand University
- [4]. Vũ Hữu Đức (2010), *Những vấn đề cơ bản của lý thuyết kế toán*, NXB Lao Động
- [5]. Nguyễn Thị Phương Dung, Nguyễn Thị Hải Hà và ctg (2020), *Giáo trình Những vấn đề kế toán đương đại*, NXB ĐHQGHN
- [6]. Bộ Tài chính, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, Ebook
- [7]. International Accounting Standards Board IASB (2020), *IFRS Standards*, John Wiley & Sons, Ltd.

Hiệu trưởng
Trường Kinh tế

Khoa Kế toán Kiểm toán

Nhóm soạn thảo


PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga


TS. Nguyễn Thị Thanh Loan


TS. Đinh Thị Thanh Hải
TS. Nguyễn Thị Lan Anh
TS. Nguyễn Thị Thu Thủy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Kế toán quốc tế
Tên học phần (Tiếng Anh)	International Accounting
Mã học phần	AA7317
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3 (3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán – Kiểm toán
Thuộc CTĐT	Thạc sỹ kế toán
Các học phần trước	Lý thuyết kế toán
Các học phần tiên quyết	
Các học phần song hành	Ban hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/10/2025
Lần ban hành	

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trương Thanh Hằng

Chức danh: Giảng viên chính. Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Điện thoại: 0989007007 Email: truongthanhhang@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sỹ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sỹ theo Quy chế đào tạo Thạc sỹ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức về các mô hình kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế để đưa ra các giải pháp thực tiễn tại các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	SO2
G2	Người học áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế để tổ	SO4

	chức và quản lý hệ thống kế toán, các quy trình kế toán hiệu quả trong môi trường doanh nghiệp	
G3	Người học có phương pháp và khả năng phản ứng linh hoạt với sự thay đổi trong pháp luật và chính sách kế toán trong môi trường hội nhập	SO5

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Phân tích được các mô hình kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế để xử lý các tình huống thực tế tại doanh nghiệp, đưa ra các giải pháp kế toán phù hợp và hiệu quả trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	PI 2.1	I	G1
L2	Thiết kế và triển khai được hệ thống kế toán, quy trình kế toán phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp đảm bảo tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế, đáp ứng các yêu cầu quản lý tài chính của doanh nghiệp.	PI 4.1	U	G2
L3	Áp dụng các phương pháp, chính sách kế toán linh hoạt và sáng tạo để thích nghi với các thay đổi về pháp luật và chính sách kế toán, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong báo cáo tài chính.	PI 5.1	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các mô hình kế toán trên thế giới, các chuẩn mực kế toán quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế cơ bản như chuẩn mực về tài sản, doanh thu, chi phí và báo cáo tài chính, về các sự kiện phát sinh sau kì kết thúc năm.

Sau khi học xong học phần này học viên có khả năng lựa chọn mô hình kế toán cơ bản phù hợp với bối cảnh và mục đích cung cấp thông tin kế toán; vận dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong doanh nghiệp. Đồng thời linh hoạt xử lý các tình huống trong bối cảnh thay đổi về pháp luật và chính sách kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin báo cáo tài chính trung thực và hợp lý.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH / TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/ Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)(*)					
1	Tổng quan về các mô hình kế toán	9	4	0	0	0	0	13	L1, L2

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH / TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	Thực tập/ Đề án (giờ)	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
2	Tổng quan về các mô hình kế toán (tiếp theo)	9	4	0	0	0	0	13	L1, L2
3	Tổng quan về các chuẩn mực kế toán	9	4	0	0	0	0	13	L1, L2
4	Chuẩn mực kế toán về tài sản	9	4	0	0	0	0	13	L1; L2; L3
5	Chuẩn mực kế toán về tài sản (tiếp theo)	9	4	0	0	0	0	13	L1; L2; L3
6	Chuẩn mực kế toán về tài sản (tiếp theo) <i>Bài đánh giá thường xuyên 1</i>	9	4	0	0	0	0	13	L1; L2; L3
7	Chuẩn mực kế toán về doanh thu và chi phí	9	4	0	0	0	0	13	L1; L2; L3
8	Chuẩn mực kế toán về doanh thu và chi phí (tiếp theo)	9	4	0	0	0	0	13	L1; L2; L3
9	Chuẩn mực kế toán về doanh thu và chi phí (tiếp theo)	9	4	0	0	0	0	13	L1; L2
10	Chuẩn mực kế toán về báo cáo tài chính	9	4	0	0	0	0	13	L1; L2; L3
11	Chuẩn mực kế toán về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm. <i>Bài đánh giá thường xuyên 2</i> <i>Ôn tập</i>	15	4	1	0	0	0	20	L1; L2; L3
Tổng cộng:		105	45	1	0	0	0	150	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR của HP	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	15	L1	Tự luận	5	20
			L2		5	20
2	Thường xuyên 2	15	L1	Báo cáo nhóm, thuyết trình	2	30
			L2		4	30
			L3		4	100
3	Kết thúc học phần	70	L1	Tiểu luận	5	50
			L2		5	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với học viên:

+ Học viên phải có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 70% thời gian lên lớp trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ.

- Điều kiện khác:

+ Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu máy tính, kết nối internet.

+ Thư viện có hệ thống có hệ thống truy cập hệ thống thư viện quốc gia, quốc tế và tổ chức uy tín.

8. Tài liệu học tập

[1]. Bộ chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS)

<https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/>

<https://ifrs.vn/chuan-muc/>

[2]. Bộ chuẩn mực kế toán Việt Nam

<https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-doanh-nghiep/bai-viet/toan-van-he-thong-chuan-muc-ke-toan-viet-nam-nam-2023-2596.html>

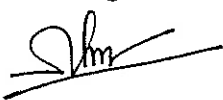
[3]. David Clark, Mary Buffett (2021) *Báo Cáo Tài Chính Dưới Góc Nhìn Của Warren Buffett*, Nhà xuất bản Hồng Đức

[4]. Trần Xuân Nam (2015) *Kế toán tài chính (tập 1, tập 2)*, Nhà xuất bản Tài Chính

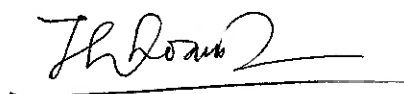
[5]. Nguyễn Thế Lộc (2010), *Áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế - Các vấn đề chuyên sâu về báo cáo tài chính*, NXB Phương Đông.

[6]. Đặng Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Lan Anh (2015), *giáo trình Kế toán quốc tế*, NXB Thống kê.

Hiệu trưởng
Trường kinh tế



Khoa Kế toán Kiểm toán



Nhóm soạn thảo



PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

TS. Trương Thanh Hằng
TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng
TS. Phạm Thu Huyền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần :

Tên học phần (Tiếng Việt)	Kế toán quản trị
Tên học phần (Tiếng Anh)	Management Accounting
Mã học phần	AA73 08
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3 (3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán – Kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301 ¹ ; 8340201 ²
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Ban hành kèm theo QĐ số 11/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/1/2025
Lần ban hành	01

¹ Ngành Kế toán

² Ngành Tài chính ngân hàng

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Loan

Chức danh: Giảng viên chính Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0982746877

Email: nguyenthithanhloan@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
------------------	----------------	----------------------

G1	Người học có kiến thức mở rộng và chuyên sâu về kế toán quản trị đương đại.	SO2
G2	Người học có kỹ năng phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề về kế toán quản trị thực tế phát sinh tại các doanh nghiệp.	SO3
G3	Người học chủ động, có ý thức, trách nhiệm tôn trọng pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.	SO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Phân tích được vấn đề liên quan về kế toán, tài chính, thuế và quản trị, quản lý kinh tế trong các lĩnh vực khác nhau.	PI 2.2 ¹ PI 1.2 ²	T	G1
L2	Đánh giá được thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn.	PI 3.2 ¹ PI 4.1 ²	U	G2
L3	Thực hiện trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng pháp luật.	PI 6.1 ¹ PI 7.2 ²	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán quản trị trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về kế toán quản trị đương đại thông qua các chủ đề như: kế toán quản trị chiến lược; ra quyết định dựa trên cơ sở chi phí; nguồn lực và phân bổ nguồn lực; định giá bán sản phẩm; hệ thống chi phí trên cơ sở hoạt động; xác định chi phí theo phương pháp chi phí mục tiêu và phương pháp Kaizen, xác định chi phí theo chu kỳ sống; đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp. Học phần cung cấp các tình huống thực tế về các nội dung kế toán quản trị nhằm giúp học viên vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế phát sinh tại các loại hình doanh nghiệp trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn	Thời gian của học phần					Mã chuẩn đầu
			Lý thuyết (giờ)	ThH /	Thảo o	TT/ Đề	Tổng g	

		bị cá nhân của HV (giờ)	Trên lớp (giờ)	Học trực tuyển (giờ) ^(*)	TN (giờ)	luận (giờ)	án TN	số (giờ)	ra của HP
1	Tổng quan kế toán quản trị	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
2	Thông tin về chi phí trong doanh nghiệp và quá trình ra quyết định	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
3	Ứng dụng thông tin thích hợp cho việc ra quyết định và dự toán ngân sách trong doanh nghiệp	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
4	Nguồn lực và phân bổ nguồn lực, định giá bán sản phẩm	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
5	Phương pháp xác định chi phí theo mô hình kế toán quản trị truyền thống <i>Kiểm tra bài thường xuyên số 1</i>	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
6	Phương pháp xác định chi phí theo mức độ hoạt động	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
7	Phương pháp xác định chi phí mục tiêu, Kaizen	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
8	Phương pháp xác định chi phí theo chu kỳ sống	9	4	0	0	0	0	1	L1; L2; L3
9	Đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp qua trung tâm trách nhiệm	9	4	0	0	0	0	45	L1; L2; L3
10	Đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp qua bảng điểm cân bằng	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3

11	Đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp bằng thước đo giá trị kinh tế tăng thêm <i>Kiểm tra bài thường xuyên số 2</i>	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
12	Ôn tập và giải đáp	6	1	0	0	0	0	1	L1; L2; L3
Tổng cộng:		105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	15%	L1	Tự luận	5	50%
			L3		5	50%
2	Thường xuyên 2	15%	L2	Đánh giá hoạt động nhóm	10	100%
3	Kết thúc học phần	70%	L1	Tự luận (Cá nhân)	5	50%
			L3		5	50%

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu, máy tính, kết nối internet; phòng thư viện có hệ thống truy cập thư viện quốc gia, quốc tế và tổ chức uy tín.
- Đối với học viên: Học viên phải có mặt trên lớp $\geq 70\%$ thời gian lên lớp trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ.

8. Tài liệu học tập

- [1] Đặng Ngọc Hùng (2018), *Giáo trình kế toán quản trị phần 1*, NXB Thống kê
- [2] Nguyễn Thị Thanh Loan (2018), *Giáo trình kế toán quản trị phần 2*, NXB Thống kê
- [3] Garrison, Ray H; Brewer Peter C; Noreen Eric W (2020), *Kế toán quản trị = Managerial Accounting*, NXB Tài chính
- [4] Alnoor Bhimani Datar; Srikant M; Horgren Charles T (2019), *Management and cost accounting*, Pearson

[5] Hansen, Don R.; Maryanne M.; Don R Mowen (2019), *Cornerstones of cost management*, Cengage Learning

Hiệu trưởng
Trường Kinh tế



PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga

Khoa Kế toán Kiểm toán



TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

Nhóm soạn thảo



TS. Nguyễn Thị Thanh Loan
TS. Trần Thị Thùy Trang
TS. Trần Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo nâng cao
Tên học phần (Tiếng Anh)	Advanced Audit and Assurance Services
Mã học phần	AA7318
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/Đề án TN)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán Kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Ban hành kèm theo QĐ số 81./QĐ-ĐHCN ngày 15/01/2025
Ngày ban hành	
Lần ban hành	01

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

Họ và tên: TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng

Chức danh: Giảng viên chính. Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0988010980. Email: nguyenthixuanhong@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức về kiểm toán và dịch vụ đảm bảo để phân tích được vấn đề liên quan đến kế toán nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp cho doanh nghiệp	SO2
G2	Người học vận dụng kiến thức để tổng hợp, phân tích và đánh giá dữ liệu, thông tin kế toán khoa học và tiên tiến.	SO3
G3	Người học đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.	SO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Tổng hợp được thông tin kế toán, kiểm toán để triển khai quy trình kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo	PI 2.1	T	G1
L2	Phân tích được thông tin kế toán, kiểm toán để đánh giá rủi ro và phát hiện các sai phạm trong kế toán, kiểm toán và kiểm soát	PI 3.2	U	G2
L3	Thực hiện được việc tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm soát và dịch vụ đảm bảo.	PI. 6.2	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán và dịch vụ đảm bảo bao gồm thực hiện đầy đủ quy trình kiểm toán để kiểm toán các chu trình cơ bản trong doanh nghiệp, kiểm toán hệ thống thông tin; đồng thời kiểm soát được chất lượng kiểm toán. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp kiến thức để người học có thể thực hiện được các dịch vụ đảm bảo trong doanh nghiệp. Học xong học phần này người học có thể thực hiện được dịch vụ đảm bảo, triển khai được quy trình kiểm toán các chu trình, phân tích được thông tin của doanh nghiệp để đánh giá rủi ro, phát hiện sai phạm; đưa ra được các kết luận kiểm toán và đánh giá được chất lượng kiểm toán; Từ đó, có thể tư vấn cho doanh nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm soát và dịch vụ đảm bảo.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
1	Tổng quan về kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	9	4					13	L1
2	Các chuẩn mực về kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	9	4					13	L1
3	Quy trình kiểm toán	9	4					13	L1, L2, L3
4	Kiểm toán chu trình mua hàng và thanh toán	9	4					13	L1, L2, L3
5	Kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền	9	4					13	L1, L2, L3

6	Kiểm toán chu trình tiền lương và nhân sự	9	4					13	L1, L2, L3
7	Kiểm toán chu trình tài sản cố định và đầu tư dài hạn Bài thường xuyên 1	9	4					13	L1, L2, L3
8	Kiểm toán hệ thống thông tin	9	4					13	L1, L2, L3
9	Kiểm soát chất lượng kiểm toán	9	4					13	L1, L2, L3
10	Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính	9	4					13	L1, L2, L3
11	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo khác. Bài thường xuyên 2 Ôn tập	15	4	1				120	L1, L2, L3
Tổng cộng:		105	45	0	0	0	0	150	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	25%	L1	Kết hợp (trắc nghiệm + Tự luận)	2	100
			L2		8	30
2	Thường xuyên 2	25%	L2	Tự luận	8	30
			L3		2	50
3	Kết thúc học phần	50%	L2	Tiểu luận	8	40
			L3		2	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Có đầy đủ các phương tiện dạy học
- Đối với học viên: Để tham gia bài đánh giá cuối kỳ, học viên phải có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 70% thời gian lên lớp trực tiếp
- Thư viện có hệ thống truy cập hệ thống thư viện quốc gia, quốc tế và tổ chức uy tín.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thị Hồng Nga (2023), Giáo trình Kiểm toán tài chính, NXB Thống kê

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Thị Hồng Nga (2020), *Giáo trình Lý thuyết kiểm toán*, NXB Thống kê

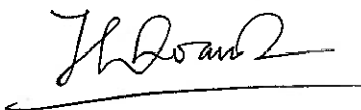
[2]. Berghout Egon; Fijne Rob; Hendriks Lenard, De Boer Mona, Butijin Bert-Jan (2023), *Advanced Digital Auditing Theory and Practice of Auditing Complex Information System and Technologies*, NXB Springer Nature.

- [3]. Mehta Amit (2024), *Auditing Information Systems: A practical Approach*, NXB Conestoga College.
- [4]. Alvin A.Arens, Randal. Elder, Mark .Beasley, Chris E. Hogan (2020), *Auditing and Assurance Services* (17th Edition)
- [5]. ACCA (2023), *Audit and Assurance: workbook*, NXB BPP learning Media

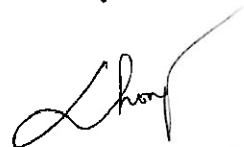
**Hiệu trưởng
Trường Kinh tế**



Khoa Kế toán Kiểm toán



Nhóm soạn thảo



PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng
TS. Nguyễn Thị Quế
TS. Nguyễn Thị Dự
PGS.TS. Đỗ Đức Tài

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Báo cáo tài chính hợp nhất
Tên học phần (Tiếng Anh)	Consolidated financial statements
Mã học phần	AA7319
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3 (3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán – Kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Ban hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/01/2025
Lần ban hành	01

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hoàng Thị Việt Hà

Chức danh: Giảng viên chính Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0988 837688

Email: hoangthivietha@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lập và trình bày, phân tích thông tin báo cáo tài chính hợp nhất tại các tập đoàn kinh tế.	SO2
G2	Người học có kỹ năng tổ chức công tác kế toán nhằm triển khai và quản lý các hoạt động liên quan tới kế toán hợp nhất tại các tập đoàn.	SO4
G3	Người học sẽ thực hiện được các tư vấn chuyên sâu trong hoạt động kế toán hợp nhất doanh nghiệp.	SO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Phân tích được thông tin kế toán, kiểm toán để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	PI 2.1	T	G1
L2	Tổ chức và quản lý được các hoạt động liên quan đến kế toán, tài chính.	PI 4.1	U	G2
L3	Thực hiện được tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.	PI. 6.2	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần báo cáo tài chính hợp nhất trang bị cho học viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lập và trình bày, phân tích thông tin báo cáo tài chính hợp nhất tại các tập đoàn kinh tế thông qua các chủ đề: Tổng quan về hợp nhất kinh doanh và báo cáo tài chính hợp nhất; Hợp nhất bảng cân đối kế toán; Hợp nhất báo cáo kết quả kinh doanh; Hợp nhất báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Học phần cung cấp các báo cáo tài chính hợp nhất thực tế nhằm giúp học viên vận dụng kiến thức để phân tích, tổ chức công việc kế toán và quản lý các hoạt động kế toán liên quan tới hợp nhất doanh nghiệp tại các tập đoàn kinh tế.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH / TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Tập đoàn kinh tế và hợp nhất kinh doanh	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
2	Kế toán hợp nhất kinh doanh và giá phí hợp nhất kinh doanh.	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
3	Báo cáo tài chính hợp nhất	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
4	Các vấn đề về hợp nhất bảng cân đối kế toán	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3

5	Lập bảng cân đối kế toán hợp nhất	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
6	Trình bày và phân tích thông tin trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. (Bài đánh giá thường xuyên 1)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
7	Lập báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
8	Trình bày và phân tích thông tin trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
9	Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
10	Trình bày và phân tích thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
11	Tổ chức lập, trình bày và phân tích báo cáo tài chính hợp nhất tại một đơn vị thực tế. (Bài đánh giá thường xuyên 2)	9	4	0	0	0	0	4	L1; L2; L3
12	Ôn tập + Hướng dẫn viết tiểu luận	6	1	0	0	0	0	1	L1; L2; L3
Tổng cộng:		105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên 1	15%	L1	Tự luận	5	50%
			L3		5	50%
2	Thường xuyên 2	15%	L2	Đánh giá hoạt động nhóm	10	100%
3	Kết thúc học phần	70%	L1	Tiểu luận (Cá nhân)	5	50%
			L3		5	50%

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu, máy tính, kết nối internet; phòng thư viện có hệ thống truy cập thư viện quốc gia, quốc tế và tổ chức uy tín.
- Đối với học viên: Học viên phải có mặt trên lớp $\geq 70\%$ thời gian lên lớp trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Trí Tri, Vũ Hữu Đức (2014), *Kế toán hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất*, Nhà xuất bản kinh tế TP.HCM.

- Tài liệu tham khảo:

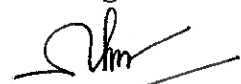
[1]. Bùi Thị Thu Hương, Đặng Thế Hưng (2020), *Hướng dẫn lý thuyết và thực hành môn học đại cương kế toán tập đoàn*, Nhà xuất bản Tài chính.

[2]. Đặng Thế Hoà, ACCA, VACPA (2019) *Hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

[3]. International Financial Reporting Standards (IFRS), www.ifrs.org

[4]. Floyd A. Beams, Joseph H. Anthony, Bruce Bettinghaus, Kenneth A. Smith. *Advanced Accounting*, 11 edition Pearson.

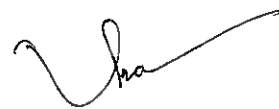
Hiệu trưởng
Trường Kinh tế



Khoa Kế toán Kiểm toán



Nhóm soạn thảo



P. GS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

TS. Hoàng Thị Việt Hà
TS. Trần Thị Thùy Trang
TS. Đào Thị Nhung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao
Tên học phần (Tiếng Anh)	Accounting Information System
Mã học phần	AA7320
Số tín chỉ: TS(LT:ThH/TN;TL/BTL;ĐAMH/TT)	3(2,4;0,6;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán – Kiểm toán
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ ngành Kế toán
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	AA7308, AA7311
Ngày ban hành	Đã ban hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN ngày 4.5.1.01.1/2025
Lần ban hành	

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đặng Thị Hồng Hà

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 0983338483

Học hàm, học vị: TS

Email: [dangthihongha@hau.edu.vn](mailto: dangthihongha@hau.edu.vn)

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức về phân tích và đánh giá các công cụ từ đó lựa chọn các thông tin và công cụ để đưa ra giải pháp phù hợp trong bối cảnh hội nhập.	SO2
G2	Người học vận dụng kiến thức để phân tích và đánh giá hệ thống thông tin kế toán một cách khoa học và logic, từ đó có thể đánh giá được thông tin kế toán trong điều	SO3

	kiện thực tiễn.	
G3	Người học có khả năng tự nghiên cứu, chủ động, cầu thị trong học tập, thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.	SO5

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Lựa chọn các thông tin và công cụ để đưa ra các giải pháp phù hợp trong bối cảnh hội nhập	PI 2.2	T	G1
L2	Đánh giá thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn.	PI 3.2	U	G2
L3	Thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai	PI 5.2	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp các kiến thức chuyên ngành nâng cao về hệ thống thông tin kế toán. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể phân tích, tổng hợp và đánh giá hệ thống và kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin theo quan điểm COSO và COBIT để giải quyết, hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các tình huống cụ thể; Có khả năng tích hợp hệ thống thông tin kế toán vào hệ thống ERP; Thiết kế, triển khai đánh giá hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp; Ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng của hệ thống thông tin kế toán đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao, đa dạng của các thành phần kinh tế.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH / TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TT	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Bài 1: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán	9	4					4	L1,L2

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH / TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TT	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
2	Bài 2: Các chu trình kinh doanh	9	4					4	L1,L2
3	Bài 3: Những vấn đề cơ bản về kiểm soát nội hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp	9	4					4	L1,L2
4	Bài 4: Kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin kế toán trong môi trường công nghệ thông tin	9	4					4	L1,L2
5	Bài 5: Cơ sở dữ liệu và mô hình liên kết thực thể (REA) trong doanh nghiệp	9	4					4	L1,L2
6	Bài 6: Thiết kế và triển khai hệ thống thông tin kế toán cho doanh nghiệp	9	4					4	L1,L2
7	Bài 7: Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và việc tích hợp hệ thống thông tin kế toán vào hệ thống ERP	9	4					4	L1,L2
8	Bài 8: Ứng dụng công nghệ hiện đại trong hệ thống thông tin kế toán	9	4					4	L1,L2
9	Bài 9: Ôn tập, <i>Kiểm tra thường xuyên 1</i>	9	4					4	L1, L2
10	<i>Bài 10: Bài thực hành số 1:</i> Lựa chọn doanh nghiệp phù hợp, trực quan hóa dữ liệu qua phần mềm Visio. Tư vấn cho doanh nghiệp về chu trình kế toán để phát hiện sai sót và đề xuất khắc phục lại chu trình.	3			4			4	L2, L3
11	<i>Bài 11: Bài thực hành số 2:</i> Thu thập dữ liệu kế toán,	3			4			4	L2, L3

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH / TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TT	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
	chuẩn hóa dữ liệu kế toán đầu vào, xử lý dữ liệu qua phần mềm Excel. Đánh giá, nhận xét, so sánh trường hợp lập BCTC từ các sổ Cái và thông qua Bảng cân đối phát sinh.								
12	Bài 12: Bài thực hành số 3: Phát hiện sai sót và gian lận trên BCTC và thực hiện thủ tục kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin cho các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp.	3			4			4	L2, L3
13	Bài 13: Bài thực hành số 4: Thực hành sử dụng, khai thác chat GPT phục vụ cho kế toán trong doanh nghiệp	3			4			4	L2, L3
14	Bài 14: Kiểm tra thường xuyên 2. Tổng kết, giải đáp thắc mắc. Hướng dẫn thực hiện tiểu luận kết thúc học phần	1			2			2	L2, L3
	Tổng cộng:	94	36	0	18	0	0	54	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CĐR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
1	Thường xuyên 1	25%	L1	Tự luận	5	100
			L2		5	25
2	Thường xuyên 2	25%	L2		6	25

			L3	Bài thực hành (cá nhân)	4	50
3	Kết thúc học phần	50%	L1	Tiểu luận (cá nhân)	6	50
			L3		4	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu máy tính, kết nối internet, mic, phấn, bảng.

- Đối với học viên:

+ Để tham gia bài đánh giá cuối kỳ, học viên phải có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 70% thời gian lên lớp trực tiếp.

+ Các buổi thực hành học viên sử dụng máy tính có cài phần mềm Visio, Excel theo yêu cầu của học phần.

8. Tài liệu học tập

- **Tài liệu chính:**

[1] Nguyễn Hữu Ánh, Trần Trung Tuấn và cộng sự (2021), *Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

- **Tài liệu tham khảo:**

[1] Đậu Hoàng Hưng, Nguyễn Thị Thu Thủy và cộng sự (2020), *Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán*, NXB Thống kê.

[2] Hall, Jame A (2018), *Accounting Information Systems*, NXB Cengage Learning, 10th edition.

[3] Marshall B. Romney, Paul John Steinbart (2018), *Accounting Information Systems*, NXB Italy Pearson, Global Edition, 14th edition.

[4] Mark G. Simkin và cộng sự (2018), *Core concepts of Accounting Information Systems*, NXB Jonh Wiley&Son, Inc, 13th edition.

[5] Robert L. Hurt (2016), *Accounting Information Systems: Basic concepts and current issues*, NXB McGraw-Hill Irwin, 4th edition.

Hiệu trưởng
Trưởng Kinh tế

Khoa Kế toán Kiểm toán

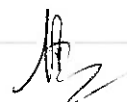
Nhóm soạn thảo



PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga



TS. Nguyễn Thị Thanh Loan



TS. Đặng Thị Hồng Hà
TS. Trịnh Viết Giang
TS. Trần Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao
Tên học phần (Tiếng Anh)	Advanced financial accounting analysis
Mã học phần	AA7321
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3(2,4;0,6;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán Kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301 ¹ , 8340201 ²
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Không Đan hành kèm theo QĐ số 91/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/1/2025
Lần ban hành	01

¹ Ngành Kế toán

² Ngành Tài chính ngân hàng

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Thủy

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0983.435.012

Email: nguyenthithuthuy@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Chỉ số của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức liên ngành kinh doanh và quản lý trong hoạt động-nghề nghiệp kế toán.	SO1
G2	Người học vận dụng kiến thức để tổng hợp, phân tích được dữ liệu kế toán, tài chính của tổ chức bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin với các công cụ phù hợp.	SO3 SO4

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Vận dụng được kiến thức liên ngành kinh doanh và quản lý trong hoạt động nghề nghiệp kế toán.	PI 1.2 ¹ PI 1.2 ²	T	G1
L2	- Tổng hợp, phân tích được dữ liệu kế toán, tài chính của tổ chức bằng các công cụ phù hợp. - Nghiên cứu và sử dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán và thực tiễn kinh doanh.	PI 3.1 ¹ PI 4.1 ² PI 4.2 ¹ PI 5.1 ² PI 6.1 ²	U	G2

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Phân tích báo cáo tài chính nâng cao cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp bao gồm: phân tích tổng quan tình hình tài chính của doanh nghiệp, các nội dung phân tích cụ thể về: cấu trúc tài chính, tình hình công nợ và khả năng thanh toán, hiệu quả kinh doanh, rủi ro kinh doanh và dự báo tài chính. Từ đó, học viên vận dụng giải quyết các tình huống cụ thể bằng những công cụ phù hợp, phối hợp với ứng dụng phần mềm Stata để phân tích, đánh giá, tổng hợp tình hình tài chính của doanh nghiệp, thấy được những tiềm năng của doanh nghiệp và khắc phục được những hạn chế giúp các đối tượng sử dụng thông tin ra quyết định.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

0.1. Quy định dạy-học (30 giờ trên lớp/buổi)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH / TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT /Đề án TN	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Bài 1: Tổng quan về báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính DN.	9	4					4	L1; L2
2	Bài 2: Phân tích cấu trúc tài chính của DN.	9	4					4	L1; L2
3	Bài 3: Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán của DN.	10	4					4	L1; L2
4	Bài 4: Phân tích hiệu quả	9	4					4	L1;

	kinh doanh của DN.								L2
5	Bài 5: Phân tích hiệu quả kinh doanh của DN (tiếp).	9	4					4	L1; L2
6	Bài 6: Phân tích dòng tiền của doanh nghiệp.	9	4					4	L1; L2
7	Bài 7: Phân tích rủi ro kinh doanh.	10	4					4	L1; L2
8	Bài 8: Phân tích dự báo tài chính trong doanh nghiệp.	10	4					4	L1; L2
9	Bài 9: Xây dựng báo cáo phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp. <i>Bài kiểm tra thường xuyên 1</i>	9	4					4	L1; L2
10	Bài thực hành số 1: Giới thiệu phần mềm Stata trong phân tích dữ liệu báo cáo tài chính DN.	3	0		4			4	L1; L2
11	Bài thực hành số 2: Thống kê mô tả dữ liệu và kiểm định giả thuyết thống kê bằng phần mềm Stata..	3	0		4			4	L1; L2
12	Bài thực hành số 3: Hồi quy tuyến tính với dữ liệu chéo bằng phần mềm Stata.	3	0		4			4	L1; L2
13	Bài thực hành số 4: Hồi quy với dữ liệu bảng bằng phần mềm Stata.	3	0		4			4	L1; L2
14	Bài thực hành số 5: Hồi quy với dữ liệu chuỗi thời gian phần mềm Stata. <i>Bài kiểm tra thường xuyên 2</i>	0	0		2			2	L1; L2
Tổng cộng:		96	36	0	18	0	0	54	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CĐR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
1	Thường		L1	Tự luận	5	50

	xuyên 1	20	L2		5	20
2	Thường xuyên 2	20	L2	Thực hành trên máy	10	30
3	Kết thúc học phần	60	L1	Tiểu luận (Cá nhân)	5	50
			L2		5	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Có đầy đủ các phương tiện dạy học và thực hành.
- Đối với học viên: Để tham gia bài đánh giá cuối kỳ, học viên phải có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 70% thời gian lên lớp trực tiếp.

8. Tài liệu học tập

- [1]. Đặng Ngọc Hùng (2016), *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Thống kê.
- [2]. Palepu Krishna G (2019), *Business analysis and valuation*, Cengage.
- [3]. Ross Jaffe (2020), *Tài chính doanh nghiệp*, NXB. Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Vũ Việt Quảng (chủ biên dịch).
- [4]. Robert B Dickie (2020), *Financial Statement Analysis and Business Valuation for the Practical Lawyer*, ABA Book Publishing.

Hiệu trưởng
Trưởng Kinh tế



PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga

Khoa Kế toán Kiểm toán



TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

Nhóm soạn thảo



TS. Nguyễn Thị Thu Thủy
TS. Nguyễn Thị Thanh Loan
TS. Nguyễn Thị Hồng Duyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Kế toán công
Tên học phần (Tiếng Anh)	Public Sector Accounting
Mã học phần	AA7313
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Tự chọn
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán Kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Đan hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/01/2025
Lần ban hành	01

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Anh

Chức danh: Giám đốc TTTV, ĐT và HTPT Học hàm, học vị: TS

Điện thoại: 0983.313.462 Email: Nguyenthilananh@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Phân tích được thông tin kế toán, kiểm toán để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	SO2
G2	Đánh giá được thông tin kế toán khoa học trong điều kiện thực tiễn.	SO3

G3	Tự định hướng nghề nghiệp bản thân trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi	SO5
----	---	-----

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Phân tích được thông tin kế toán, tài chính để giải quyết các vấn đề trong các đơn vị Nhà Nước.	PI 2.1	T	G1
L2	Đánh giá được thông tin kế toán khoa học trong quá trình làm việc tại các đơn vị Nhà Nước	PI 3.2	U	G2
L3	Tự định hướng nghề nghiệp bản thân trong điều kiện môi trường các đơn vị Nhà Nước có sự thay đổi.	PI 5.1	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán công trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản lý hành chính nhà nước; ngân sách nhà nước; tài chính công; chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và chuẩn mực kế toán công quốc tế. Sau khi nghiên cứu xong học phần này, học viên vận dụng kiến thức về kế toán công để giải quyết các tình huống thực tế phát sinh tại các đơn vị Nhà Nước, đánh giá được các thông tin kế toán khoa học để ra các quyết định kịp thời trong quá trình công tác và định hướng nghề nghiệp trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Quản lý hành chính Nhà nước và ngân sách Nhà Nước	9	4					4	L1
2	Quản lý thu ngân sách	9	4					4	L1

	Nhà Nước								
3	Quản lý chi ngân sách Nhà Nước	9	4					4	L1
4	Kế toán các hoạt động trong đơn vị công sử dụng ngân sách Nhà Nước cấp	9	4					4	L1,L 2
5	Kế toán các hoạt động trong đơn vị công sử dụng nguồn viện trợ và vay nợ nước ngoài	9	4					4	L1, L2
6	Kế toán các hoạt động trong đơn vị công sử dụng nguồn phí để lại	9	4					4	L1, L2
7	Kế toán các hoạt động kinh doanh trong đơn vị công KT Bài thường xuyên số 1	9	4					4	L1, L2
8	Chuẩn mực kế toán công quốc tế về tài sản	9	4					4	L1, L3

9	Chuẩn mực kế toán công quốc tế về doanh thu	9	4					4	L1, L3
10	Chuẩn mực kế toán công quốc tế về chi phí KT Bài thường xuyên số 2	9	4					4	L1, L3
11	Chuẩn mực kế toán công Việt Nam	9	4					4	L1, L3
12	Ôn tập và giải đáp	6	1					1	L1, L3
Tổng cộng:		105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CĐR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
1	Thường xuyên 1	15%	L1	Tự luận	10	30%
2	Thường xuyên 2	15%	L2	Hoạt động nhóm	5	50%
			L3		5	50%
3	Kết thúc học phần	70%	L1	Tiểu luận (Cá nhân)	10	70%

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu, máy tính, kết nối internet; phòng thư viện có hệ thống truy cập thư viện quốc gia, quốc tế và tổ chức uy tín.

- Đối với học viên: Học viên phải có mặt trên lớp $\geq 70\%$ thời gian lên lớp trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ.

8. Tài liệu học tập

- [1] Bộ tài chính (2024), *Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Tài chính.
- [2] Mai Diệu Hằng (2018), *Giáo trình tài chính công*, NXB Thống kê
- [3] Phạm Văn Đăng và TS.Võ Thị Phương Lan (2012), *Giáo trình Chuẩn mực kế toán công quốc tế*, NXB Tài chính
- [4] Quốc hội luật số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015, "*Luật ngân sách*"
- [5] Võ Văn Nhị (2018), *Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế TP.HCM.
- [6] Bộ tài chính (2021), *Quyết định số 1676/QĐ-BTC ngày 1/9/2021, công bố 5 chuẩn mực kế toán công Việt Nam đợt 1; Quyết định số 1366/QĐ-BTC ngày 6/7/2022, công bố 6 chuẩn mực kế toán công Việt Nam đợt 2; Quyết định số 1351/QĐ-BTC ngày 14/6/2024, công bố 6 chuẩn mực kế toán công Việt Nam đợt 3*
- [7] Wison, Earl R. (2007), *Accounting for governmental and nonprofit entities*, McGraw-Hill Irwin

Hiệu trưởng
Trường Kinh tế

Khoa Kế toán Kiểm toán

Nhóm soạn thảo





PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga

TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

TS. Nguyễn Thị Lan Anh
TS. Trương Thanh Hằng
TS. Đinh Thị Thanh Hải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty
Tên học phần (Tiếng Anh)	INTERNAL CONTROLS AND CORPORATE GOVERNANCE
Mã học phần	AA7322
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Tự chọn
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); TH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán- kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301 ¹ 8340101 ²
Các học phần trước	
Các học phần tiên quyết	
Các học phần song hành	Đan hành kèm theo QĐ số 21/QĐ-ĐHCN ngày 15/01/2025
Ngày ban hành	
Lần ban hành	

¹ Ngành Kế toán

² Ngành Quản trị kinh doanh

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Quế

Chức danh: Giảng viên. Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0985.566.319. Email: Nguyenthiqu@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức về kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm phân tích được các hoạt động tài chính, kiểm soát, nhân lực để đưa ra các quyết định quản trị phù hợp.	SO2
G2	Người học vận dụng kiến thức để xây dựng mục tiêu, quản lý và kiểm soát rủi ro, đề xuất các cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Người học vận dụng kiến thức để tổ chức, quản lý, nghiên cứu và sử dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán.	SO4
G3	Người học có khả năng đưa ra những tư vấn mang tính chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán Người học có thể hiện trách nhiệm trong công việc và tôn trọng pháp luật.	SO6

* Chú ý: Căn cứ vào các CĐR của CTĐT phân bổ cho các học phần để xác định các mục tiêu của học phần cho phù hợp (mô tả mục tiêu học phần cần người học làm chủ thể)

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	- Phân tích được các hoạt động điều hành, tài chính, nhân lực nhằm đưa ra các quyết định quản trị và giải pháp kế toán phù hợp.	PI 2.1 ² PI 2.2 ¹	T	G1
L2	- Xây dựng mục tiêu, quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh	PI4.1	U	G2

	doanh - Tổ chức và quản lý được các hoạt động liên quan đến kế toán, tài chính.			
L3	- Thực hiện được tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán. - Thực hiện trách nhiệm và tôn trọng pháp luật	PI6.1 ² PI6.2 ¹	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về kiểm soát nội bộ (KSNB) theo Báo cáo COSO, khuôn mẫu hệ thống KSNB, các hình thức gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận trong các lĩnh vực khác nhau như ngân hàng, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro doanh nghiệp; KSNB cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp kiến thức về quản trị công ty phục vụ cho việc thiết lập, đánh giá và tư vấn về KSNB, quản trị rủi ro và quản trị công ty trong bối cảnh hội nhập. Đồng thời, phân tích các hoạt động kiểm soát, nhân lực và đề xuất các cải tiến để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Học viên thực hiện trách nhiệm công việc, tôn trọng pháp luật và thực hiện được các tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

6.1. Quy định dạy học (Số giờ dành cho học phần)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Mã chuẩn đầu ra của HP	
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/Đề án TN		Tổng số (giờ)
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)(*)					
1	Bài 1: Tổng quan về Kiểm soát nội bộ	9	4					4	L1
2	Bài 2: Những phương pháp gian lận phổ biến trên báo cáo tài chính	9	4					4	L1; L2; L3
3	Bài 3: Khuôn mẫu về kiểm soát nội bộ		4					4	L1; L2;

	Giao bài thường xuyên 2	9							L3
4	Bài 4: Khuôn mẫu về kiểm soát nội bộ (tiếp)	9	4					4	L1: L2: L3
5	Bài 5: Kiểm soát một số chu trình quan trọng trong doanh nghiệp	9	4					4	L1: L2: L3
6	Bài 6: Kiểm soát nội bộ trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin	9	4					4	L1: L2: L3
7	Bài 7: Tổng quan về quản trị công ty	9	4					4	L1; L3
8	Bài 8: Quản trị rủi ro theo COSO Bài thường xuyên 1	9	4					4	L1: L3
9	Bài 9: Quản trị rủi ro theo ISO 31000	9	4					4	L1: L3
10	Bài 10: Cơ chế quản trị bên trong	9	4					4	L1: L3
11	Bài 11: Cơ chế quản trị bên ngoài Bài thường xuyên 2	9	4					4	L1: L2: L3
12	Bài 12: Ôn tập, giải đáp thắc mắc. Hướng dẫn thực hiện tiêu luận kết thúc môn học	6	1					1	L1: L3
	Tổng cộng:	105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
--------	----------	------------------------------	----------------------	--------------------	--	-----------------------------------

1	Thường xuyên 1	20	L1	Tự luận (cá nhân)	10	50
2	Thường xuyên 2	30	L2	Bài tập lớn (nhóm)	10	100
3	Kết thúc HP	50	L1	Tiểu luận (cá nhân)	5	50
			L3		5	100

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Có đầy đủ các phương tiện dạy học
- Đối với học viên: Để tham gia bài đánh giá cuối kỳ, học viên phải có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 70% thời gian lên lớp trực tiếp
- Thư viện có hệ thống truy cập hệ thống thư viện quốc gia, quốc tế và tổ chức uy tín.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Hữu Ánh (2023), *Giáo trình kiểm soát nội bộ*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân

[2]. Đỗ Thị Bình (2021), *Giáo trình quản trị công ty*, Nhà xuất bản Thống kê

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Hepworth, Noel (2024), *Public Financial Management and Internal Control: The Importance of Managerial Capability for Successful Reform in Developing and Transition Economies*, Nhà xuất bản: Palgrave Macmillan

[2]. Jorge Rocha; Sandra Oliveira; César Capinha (2020), *Risk Management and Assessment*, Nhà xuất bản: IntechOpen

[3]. Mehta, Amit (2024), *Auditing Information Systems: A Practical Approach*, Nhà xuất bản: Conestoga College

[4]. Muddassar Sarfraz (editor)#Larisa Ivascu (editor) (2021), *Risk Management*, Nhà xuất bản: IntechOpen

[5]. Mehta, Amit (2024), *Auditing Information Systems: A Practical Approach*, Nhà xuất bản: Conestoga College

Hiệu trưởng
Trường Kinh tế

Khoa Kế toán Kiểm toán

Nhóm soạn thảo


PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga.

TS. Nguyễn Thị Thanh Loan


TS. Nguyễn Thị Quế
TS. Đặng Thị Hồng Hà
TS. Nguyễn Thị Dự

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Thuế và kế toán thuế nâng cao
Tên học phần (Tiếng Anh)	Advanced Tax and tax accounting
Mã học phần	AA7323
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Tự chọn
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	3 (3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Khoa Kế toán Kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Đan hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/01/2025
Lần ban hành	01

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Thu Huyền

Chức danh: Giảng viên

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Điện thoại: 0987521085

Email: phamthuhuyen@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Phân tích được vấn đề liên quan đến kế toán để đưa ra các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	SO2
G2	Tổ chức, quản lý, nghiên cứu và sử dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán.	SO4
G3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.	SO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Phân tích được các thông tin về thuế để đưa ra giải pháp quản trị thuế phù hợp cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập.	PI2.2	T	G1
L2	Quản lý được các hoạt động liên quan đến kế toán thuế.	PI4.1	U	G2
L3	Tuân thủ pháp luật thuế và kế toán trong các hoạt động của doanh nghiệp	PI6.1	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Thuế và kế toán thuế nâng cao cung cấp cho người học kiến thức về Thuế và quản lý nhà nước về thuế; hệ thống thông tin kế toán thuế doanh nghiệp; thuế và kế toán thuế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, quản trị thuế cho doanh nghiệp và rủi ro thuế đối với các doanh nghiệp. Qua đó, người học hiểu được các kiến thức về tối ưu thuế, các rủi ro thuế đối với doanh nghiệp và vận dụng để quản trị thuế cho doanh nghiệp trong một số trường hợp cụ thể. Sau khi học xong học phần, người học có khả năng phân tích được các thông tin về thuế để đưa ra giải pháp quản trị thuế và quản lý các hoạt động liên quan đến kế toán thuế cho doanh nghiệp phù hợp với bối cảnh hội nhập. Học phần rèn luyện cho người học ý thức tuân thủ pháp luật thuế và kế toán khi xử lý các hoạt động thực tế tại doanh nghiệp và tiếp tục nghiên cứu chuyên môn sâu rộng hơn trong tương lai.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Mã chuẩn đầu ra của HP	
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/Đề án TN		Tổng số (giờ)
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Hệ thống thuế trong doanh nghiệp	10	4					4	L1, L3
2	Hệ thống thông tin kế toán thuế doanh nghiệp	9	4					4	L1, L2

3	Thuế và kế toán thuế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	10	4					4	L1
4	Thuế và kế toán thuế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (tiếp)	9	4					4	L2, L3
5	Thuế và kế toán thuế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (tiếp)	10	4					4	L2, L3
6	Thuế và kế toán thuế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (tiếp) Bài đánh giá thường xuyên số 1	9	4					5	L2, L3
7	Quản trị thuế trong doanh nghiệp	9	4					4	L1, L2
8	Bài 8. Quản trị thuế trong doanh nghiệp (tiếp)	9	4					4	L1, L2
9	Rủi ro thuế đối với doanh nghiệp	10	4					4	L1, L2
10	Rủi ro thuế đối với doanh nghiệp (tiếp)	10	4					4	L1, L2
11	Rủi ro thuế đối với doanh nghiệp (tiếp)	10	4	1				5	L1, L2
Tổng cộng:		105	44	1	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CĐR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
1	Thường xuyên 1	25%	L1	Kết hợp (Trắc nghiệm + Tự luận)	5	25
			L3		5	50
2	Thường xuyên 2	25%	L1	Tự luận (Cá nhân)	6	25
			L2		4	100
3	Kết thúc học phần	50%	L1	Tiểu luận (Cá nhân)	6	50
			L3		4	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu, máy tính, kết nối internet, mic, phấn, bảng.

- Đối với học viên:

+ Để tham gia bài đánh giá cuối kỳ, học viên phải có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 70% thời gian lên lớp trực tiếp.

+ Các buổi thực hành học viên sử dụng máy tính có cài phần mềm theo yêu cầu của học phần.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1] Hoàng Thị Việt Hà, *Giáo trình thuế và kế toán thuế*, NXB Thống kê 2020

- Tài liệu tham khảo:

[1] Phạm Đức Cường, Trần Mạnh Dũng (CPA) (2023), *Sách chuyên khảo Thuế và Kế toán thuế trong doanh nghiệp "Lý thuyết và thực hành"*, NXB Tài chính

[2] Trần Mạnh Dũng, Hà Thị Thúy Vân, Vũ Thị Kim Anh (2023), *Sách chuyên khảo Thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp vừa và nhỏ (Lý thuyết thực hành và giải pháp thuế)*, NXB Tài chính.

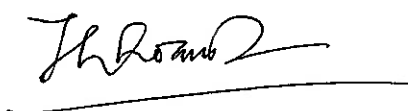
[3] ACCA (2017), *Paper F6 Taxation (UK) FA*

[4] ACCA (2017), *Taxation (TX-UK) Study Text-BPP (F6) FA*

Hiệu trưởng
Trưởng Kinh tế



Khoa Kế toán Kiểm toán



Nhóm soạn thảo



PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga

TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

TS. Phạm Thu Huyền
TS. Hoàng Thị Việt Hà
TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng
TS. Nguyễn Thị Dụ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Tài chính bền vững
Tên học phần (Tiếng Anh)	Sustainable Finance
Mã học phần	BM7034
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS(LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN))	3(3;0;0;0)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Tài chính
Thuộc CTĐT	8340201 ⁽¹⁾ ; 8340301 ⁽²⁾
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Không gắn hành kèm theo QĐ số 91/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/01/2025
Lần ban hành	01

Ghi chú: ⁽¹⁾: Tài chính – Ngân hàng

⁽²⁾: Kế toán

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thị Lan Anh

Chức danh: Giảng viên

Điện thoại: 0912 152575

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: anhctl@hau.edu.vn

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Vũ Đình Khoa

Chức danh: Phó hiệu trưởng – trường Kinh tế

Điện thoại: 0985699369

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Email: vudinhkhoa@hau.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
Kiến thức (hoặc G1)	Người học có kiến thức cốt lõi về phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững, tài chính bền vững, các mô hình kinh doanh bền vững, quyết định đầu tư liên quan đến các vấn đề về môi trường, xã hội.	SO1 ^(1,2)
Kỹ năng (hoặc G2)	Người học vận dụng kiến thức để phân tích đánh giá được các chính sách phát triển bền vững, tài chính bền vững trong các tổ chức, tác động của hoạt động đầu tư tới môi trường, xã hội.	SO3 ⁽¹⁾ SO4 ⁽²⁾
Mức độ tự chủ và trách nhiệm (hoặc G3)	Người học có ý thức trách nhiệm đối với môi trường, xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.	SO6 ⁽²⁾ SO7 ⁽¹⁾

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (L/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Hiểu được khái niệm, đặc điểm của phát triển bền vững, tài chính bền vững. Phân tích được nội dung các mục tiêu phát triển bền vững, nguyên tắc của tài chính bền vững. Phân tích được vai trò, quy trình vận hành của các mô hình kinh doanh bền vững. Phân tích nội dung chính sách môi trường xã hội quản trị.	PI 1.2	T	G1
L2	Vận dụng các kiến thức về phát triển bền vững và tài chính bền vững, chính sách môi trường xã hội quản trị để phân tích đánh giá được các hoạt động tài chính bền vững, chính sách môi trường xã hội quản trị của	PI 3.2	U	G2

	các tổ chức, đánh giá tác động của quyết định đầu tư tới môi trường xã hội, hiệu quả kinh doanh			
L3	Nhận thức được trách nhiệm đối với môi trường, xã hội trong quyết định đầu tư, quản trị tài chính.	PI 7.2	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Tài chính bền vững là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức cốt lõi về tài chính bền vững, các mô hình kinh doanh bền vững, các quyết định đầu tư trong công ty và của các nhà đầu tư dựa trên các yếu tố môi trường, xã hội. Thông qua đó, người học có khả năng phân tích đánh giá được các hoạt động phát triển bền vững, tài chính bền vững, chính sách môi trường xã hội quản trị của các tổ chức. Thông qua học phần, người học thể hiện trách nhiệm đối với môi trường, xã hội trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp nói chung và hoạt động đầu tư nói riêng; quản trị doanh nghiệp nói riêng.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

6.1. Quy định dạy học (số giờ và nội dung)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần					Mã chuẩn đầu ra của HP	
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN		Tổng số (giờ)
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ)					
1	Bài 1. Tổng quan về phát triển bền vững	9	4					4	L1 L2
2	Bài 2. Phát triển bền vững ở Việt Nam	9	4					4	L1 L2 L3
3	Bài 3. Tổng quan về chính sách Môi trường – Xã hội – Quản trị	9	4					4	L1 L2 L3
4	Bài 4. Các mô hình kinh doanh bền vững	9	4					4	L1 L2 L3
5	Bài 5. Tổng quan về Tài chính bền vững	9	4					4	L1 L2 L3
6	Bài 6. Các sản phẩm, công cụ tài chính bền vững.	9	4					4	L1 L2

7	Bài 7. Quỹ đầu tư bền vững Bài kiểm tra	9	4					4	L1 L2
8	Bài 8. Báo cáo bền vững	9	4					4	L1 L2
9	Bài 9. Rủi ro Môi trường – Xã hội – Quản trị	9	4					4	L1 L2 L3
10	Bài 10. Môi trường – Xã hội – Quản trị và đạo đức kinh doanh	9	4					4	L1 L2 L3
11	Bài 11. Môi trường – Xã hội – Quản trị và hiệu quả kinh doanh	9	4					4	L2
12	Tổng kết nội dung học phần	6	1					1	L2
Tổng cộng:		105	45	0	0	0	0	45	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Thường xuyên	30%	L1	Tự luận	5	100%
			L2		5	50%
2	KTHP	70%	L2	Báo cáo	7	50%
			L3		3	100%

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học lý thuyết có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu máy tính, kết nối internet.

- Đối với học viên: Sinh viên phải có mặt trên lớp lớn hơn hoặc bằng 70% thời gian lên lớp trực tiếp để tham gia bài đánh giá cuối kỳ.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1] Bùi Thị Thu Loan & Trần Thị Lan Anh (2024), Sách chuyên khảo “Chính sách Môi trường – Xã hội – Quản trị hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, NXB Khoa học Xã hội.

- Tài liệu tham khảo:

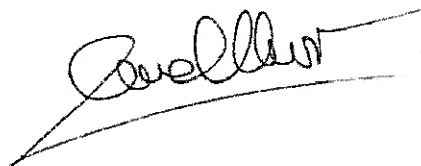
[1] Van Tulder, Rob (2018), *Business & The Sustainable Development Goals*, Erasmus University Rotterdam

[2] Ensign, Prescott C (2022), *Business Models and Sustainable Development Goals*, MDPI - Multidisciplinary Digital Publishing Institute.

**P. Hiệu trưởng
Trường Kinh tế**

Khoa Tài chính

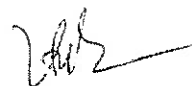
Nhóm soạn thảo



TS. Vũ Đình Khoa



TS. Bùi Thị Thu Loan



**TS. Trần Thị Lan Anh
TS. Vũ Đình Khoa**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Thực tập
Tên học phần (Tiếng Anh)	Internship
Mã học phần	AA7315
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	9(0,0,0,9)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Kế toán – Kiểm toán
Thuộc CTĐT	Thạc sĩ ngành Kế toán
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Không
Ngày ban hành	Ban hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN ngày 15/11/2025
Lần ban hành	01

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đỗ Đức Tài

Chức danh: Giảng viên cao cấp Học hàm, học vị: PGS, TS

Điện thoại: 0904509101 Email: taidd@hau.edu.vn; taiketoanquoc@gmail.com

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức để vận dụng được kiến thức liên ngành kinh doanh và quản lý trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, phân tích được thông tin kế toán, kiểm toán để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	SO1 SO2
G2	Người học vận dụng kiến thức để tổng hợp, phân tích được dữ liệu kế toán, tài chính của tổ chức bằng các công cụ phù hợp.	SO3

G3	Người học chủ động, cầu thị trong học tập, có ý thức, thái độ dễ thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.	SO5
----	--	-----

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CDR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Vận dụng được kiến thức liên ngành kinh doanh và quản lý trong quá trình tìm hiểu thực tiễn.	PI 1.2	U	G1
L2	Đánh giá/Phân tích được thông tin kế toán, kiểm toán để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn tại đơn vị thực tập	PI 2.1	U	G1
L3	Phân tích được dữ liệu kế toán, kiểm toán, tài chính của đơn vị thực tập bằng các công cụ phù hợp	PI 3.1	U	G2
L4	Thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai	PI 5.2	U	G2

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Thực tập giúp học viên áp dụng kiến thức liên ngành và trong lĩnh vực kế toán đã được học vào thực tế tại đơn vị thực tập. Học viên được hướng dẫn phương pháp tiếp cận, phân tích và đánh giá được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp với các tình huống đa dạng trong thực tiễn; Học viên có thể sử dụng các công cụ phù hợp để phân tích được các tình huống thực tiễn phát sinh tại doanh nghiệp. Qua đó, có thể thích nghi được sự phát triển của nghề nghiệp và công nghệ trong tương lai.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN	Tổng số (giờ)	đầu ra của HP
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Nghiên cứu chuyên đề thực tiễn trong xã hội		6	0			44	50	L1, L4
2	Báo cáo chuyên đề thực tiễn		6				44	50	L1, L4
3	Nghiên cứu về sự hình thành và phát		6	0			44	50	L2, L3

	triển của đơn vị thực tập								
4	Nghiên cứu về tổ chức bộ máy quản lý và quy trình sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập		6	0			44	50	L2, L3
5	Nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị thực tập		6	0			44	50	L2, L3
6	Nghiên cứu thực trạng chuyên đề kế toán tại đơn vị thực tập		6	0			44	50	L2, L3
7	Nghiên cứu thực trạng chuyên đề kế toán tại đơn vị thực tập (tiếp theo)		6	0			44	50	L2, L3, L4
8	Đánh giá thực trạng chuyên đề kế toán tại đơn vị thực tập		6	0			44	50	L2, L3, L4
9	Báo cáo chuyên đề kế toán của đơn vị thực tập		6	0			44	50	L2, L3, L4
			54				396	450	

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CDR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CDR (%)
1	Đánh giá báo cáo chuyên đề kinh tế xã hội	30%	L1	Báo cáo	8	50
			L4		2	30
2	Đánh giá quá trình thực tập	20%	L2	Kết hợp (Báo cáo & Vấn đáp)	4	30
			L3		4	30
			L4		2	20
3	Đánh giá báo cáo thực tập	50%	L1	Kết hợp (Báo cáo & Vấn đáp)	2	50
			L2		3	70
			L3		3	70
			L4		2	50

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu máy tính, kết nối internet, mic, phấn, bảng...

- Đối với học viên:

Học viên cần chủ động nghiên cứu, đề xuất hướng đề tài nghiên cứu từ học kỳ 2.

Cần chủ động liên hệ đơn vị thực tập/thu thập dữ liệu/ khảo sát liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1]. Đinh Phi Hồ, Võ Văn Nhị, Trần Phước (2018), Nghiên cứu định lượng trong kế toán - kiểm toán, NXB Tài chính.

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Hà Nam Khánh Giao; Bùi Nhất Vương (2020) Giáo trình Phân tích dữ liệu: Áp dụng mô hình PLS-SEM, NXB Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Nguyễn Văn Thắng (2017), Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

Hiệu trưởng
Trường Kinh tế



PGS.TS Nguyễn Thị Hồng Nga

Khoa Kế toán Kiểm toán



TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

Nhóm soạn thảo



PGS. TS. Đỗ Đức Tài

TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng

PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần (Tiếng Việt)	Đề án tốt nghiệp
Tên học phần (Tiếng Anh)	Graduation thesis
Mã học phần	AA73.16
Loại học phần (Bắt buộc/ Tự chọn)	Bắt buộc
Số tín chỉ: TS{LT (Lý thuyết); ThH/TN (Thực hành/thí nghiệm); TL(Thảo luận); TT/ĐA(Thực tập/ Đề án TN)}	9(0,0,0,9)
Bộ môn (Khoa phụ trách)	Kế toán – Kiểm toán
Thuộc CTĐT	8340301
Các học phần trước	Không
Các học phần tiên quyết	Không
Các học phần song hành	Ban hành kèm theo QĐ số 81/QĐ-ĐHCN
Ngày ban hành	ngày 15/01/2025
Lần ban hành	01

2. Giảng viên phụ trách, giảng dạy học phần

2.1 Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đỗ Đức Tài

Chức danh: Giảng viên cao cấp Học hàm, học vị: PGS, TS

Điện thoại: 0904509101 Email: taidd@hau.edu.vn; taiketoanquocte@gmail.com

2.2 Giảng viên giảng dạy học phần

Các giảng viên chuyên ngành có học vị Tiến sĩ trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn về giảng dạy trình độ Thạc sĩ theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ hiện hành, theo quyết định phân công giảng dạy của Khoa và Hiệu trưởng trường Kinh tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (SO)
G1	Người học có kiến thức để vận dụng được các nguyên lý, quy luật về kinh tế trong lĩnh vực kế toán; Phân tích được vấn đề liên quan đến tài chính, thuế và quản trị để đưa ra giải pháp phù	SO1 SO2

	hợp trong bối cảnh hội nhập.	
G2	Người học vận dụng kiến thức để nghiên cứu và sử dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán và thực tiễn kinh doanh.	SO4
G3	Người học có ý thức, thái độ thực hiện trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng pháp luật; Thực hiện được tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.	SO6

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP	Mã Tiêu chí đánh giá CĐR	Mức độ (I/T/U)	Mục tiêu học phần
L1	Lựa chọn các thông tin và công cụ phù hợp để giải quyết các tình huống trong kinh doanh.	PI 1.1	U	G1
L2	Phân tích thông tin kinh tế tài chính để đề xuất giải pháp hiệu quả phù hợp trong bối cảnh hội nhập.	PI 2.2	U	G1
L3	Sử dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán.	PI 4.2	U	G2
L4	Thực hiện trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.	PI 6.1 PI 6.2	U	G3

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Đề án tốt nghiệp trang bị cho học viên có năng lực nhận diện, phát hiện những vấn đề còn có những bất cập, tồn tại trong lĩnh vực kế toán; Thông qua học phần Đề án tốt nghiệp có thể đánh giá năng lực của học viên trong việc ứng dụng những kiến thức thuộc chuyên ngành kế toán để giải quyết những vấn đề mang tính thực tiễn và tư vấn chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán; phát triển kỹ năng viết và trình bày báo cáo khoa học. Đề án tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học có đóng góp về mặt lý luận, thực tiễn; Đề án là sản phẩm nghiên cứu có tính ứng dụng; Kết quả nghiên cứu phải được dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá và khảo sát từ nhiều tổ chức/doanh nghiệp/mẫu nghiên cứu hoặc tại một đơn vị đáp ứng được yêu cầu quy định.

6. Quy định dạy - học và đánh giá

6.1. Quy định dạy-học (số giờ trên lớp/bài)

Bài	Tên bài học	Thời gian chuẩn bị cá nhân của HV (giờ)	Thời gian của học phần						Mã chuẩn đầu ra của HP
			Lý thuyết (giờ)		ThH/ TN (giờ)	Thảo luận (giờ)	TT/ Đề án TN	Tổng số (giờ)	
			Trên lớp (giờ)	Học trực tuyến (giờ) ^(*)					
1	Hướng dẫn và định hướng đề tài Đề án tốt nghiệp	0	4	0	0	0	46	50	L2
2	Hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết	0	4	0	0	0	46	50	L2
3	Hướng dẫn thu thập tài liệu và viết mở đầu	0	4	0	0	0	46	50	L1
4	Hướng dẫn xây dựng thu thập/khảo sát dữ liệu	0	4	0	0	0	46	50	L2
5	Hướng dẫn xử lý và phân tích dữ liệu	0	4	0	0	0	46	50	L2
6	Hướng dẫn thu thập, tổng hợp và viết căn cứ/cơ sở xây dựng đề án, nội dung của đề án tại đối tượng khảo sát; kết luận	0	4	0	0	0	46	50	L2
7	Duyệt Mở đầu	0	4	0	0	0	46	50	L1, L2
8	Duyệt Phần 1: căn cứ pháp lý, lý thuyết và căn cứ thực tiễn xây dựng đề án	0	4	0	0	0	46	50	L1, L2
9	Duyệt Phần 2: Nội dung của đề án tại đối	0	4	0	0	0	46	50	L1, L2, L3,

tượng khảo sát và Phần 3: Kết luận									L4
Tổng cộng:	0	36	0	0	0	414	450		

6.2 Quy định đánh giá học phần

Thứ tự	Đánh giá	Trọng số để tính điểm HP (%)	Mã CĐR được đánh giá	Hình thức đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số để đánh giá theo CĐR (%)
1	Đề án tốt nghiệp (bảo vệ trước hội đồng)	100	L1	Bảo vệ Đề án tốt nghiệp	2	100
			L2		3	100
			L3		2	100
			L4		3	100

7. Điều kiện thực hiện học phần

- Đối với phòng học: Phòng học có đầy đủ các phương tiện dạy học như máy chiếu máy tính, kết nối internet, mic, phấn, bảng...

- Đối với học viên:

Học viên cần chủ động nghiên cứu, đề xuất hướng đề tài nghiên cứu từ học kỳ 2.

Cần chủ động liên hệ đơn vị thực tập/thu thập dữ liệu/ khảo sát liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

8. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1]. Đinh Phi Hổ, Võ Văn Nhị, Trần Phước (2018), Nghiên cứu định lượng trong kế toán - kiểm toán, NXB Tài chính.

- Tài liệu tham khảo:

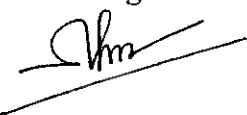
[1]. Hà Nam Khánh Giao; Bùi Nhất Vương (2020) Giáo trình Phân tích dữ liệu: Áp dụng mô hình PLS-SEM, NXB Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Nguyễn Văn Thắng (2017), Giáo trình thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

Hiệu trưởng
Trường Kinh tế

Khoa Kế toán Kiểm toán

Nhóm soạn thảo





PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nga TS. Nguyễn Thị Thanh Loan

PGS. TS Đỗ Đức Tài
TS. Nguyễn Thị Thanh Loan
PGS.TS Nguyễn Thị Hồng Nga